

Bản án số: 232/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05-11-2018.
V/v “tranh chấp ly hôn và nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Nguyên Vỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Trần Thị Ba;

+ Ông Nguyễn Công Tài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Liêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 163/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 về việc “tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Hồng L, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn PN, xã QP, huyện QS, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đoàn Tấn D, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn PL, xã QX2, huyện QS, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/7/2018, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - chị Phan Thị Hồng L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D tự nguyện kết hôn vào ngày 23/12/2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QX, huyện QS, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã nhau nên chị đã nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án, nhưng được Tòa

án hòa giải đoàn tụ. Sau khi đoàn tụ, mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn không khắc phục được. Nay chị L thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Có 01 con chung là Đoàn Thị Nhã P, sinh ngày 17/01/2016. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 11/2018 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn - anh Đoàn Tấn D: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh nhưng anh vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị L.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Chị L được ly hôn với anh D. Về con chung: Giao cháu Đoàn Thị Nhã P, sinh ngày 17/01/2016 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu P thành niên (đủ 18 tuổi).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nơi cư trú của anh D tại thôn PL, xã QX, huyện QS; chị L yêu cầu ly hôn với anh D và yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con nên quan hệ pháp luật giải quyết là “tranh chấp ly hôn và nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh D tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QX, huyện QS, tỉnh

Quảng Nam vào ngày 23/12/2014, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị L và anh D sống không hạnh phúc. Nguyên nhân theo chị L trình bày là do vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau vì anh D không có trách nhiệm với vợ con, đam mê cờ bạc nên dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Trước đây, chị L đã nộp đơn xin ly hôn và được Tòa án hòa giải đoàn tụ, nhưng khi về chung sống mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn không khắc phục được. Chị với anh D đã sống ly thân từ cuối năm 2017 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh D vắng mặt, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Như vậy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ và áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[3]. Về con chung: Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu P. Anh D không gửi văn bản ghi ý kiến về việc nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L đã cung cấp Phụ lục hợp đồng lao động số 266/2018/PL-PLHD-HTV với Công ty TNHH Hi-Tech Việt Nam Appare, 03 bảng chi tiết tiền lương và 01 sao kê tài khoản của Ngân hàng Vietcombank thể hiện mức lương cơ sở mỗi tháng của chị là 3.645.200 đồng, tổng thu nhập trung bình mỗi tháng của chị hơn 5.800.000 đồng. Tại Biên bản xác minh lập ngày 31/7/2018, đại diện Ủy ban nhân dân xã QX2 cung cấp: *“Anh D làm thợ cơ khí thu nhập trung bình mỗi ngày 200.000 đồng đến 300.000 đồng, nhưng công việc không thường xuyên”*. Như vậy, mức thu nhập của chị L ổn định, đảm bảo điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng con chung. Hiện nay, cháu P dưới 36 tháng tuổi. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu P, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cháu P cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị L yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 1.000.000 đồng. Hiện nay, anh D có nghề nghiệp, có thu nhập và mức yêu cầu cấp dưỡng chị L là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử: chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị L, buộc anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (*Một triệu*) đồng kể từ tháng 11/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Không có.

[6]. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị L phải chịu theo quy định pháp luật.

Án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Hồng L về việc “tranh chấp ly hôn và nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị Hồng L và anh Đoàn Tấn D.

2. Về con chung: Giao cháu Đoàn Thị Nhã P, sinh ngày 17/01/2016 cho chị Phan Thị Hồng L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Đoàn Tấn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 1.000.000 (*Một triệu*) đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 11/2018 đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Anh D được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

3.1. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng chị Phan Thị Hồng L phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006750 ngày 25/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3.2. Án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng anh Đoàn Tấn D phải chịu.

4. Về thi hành án và nghĩa vụ chậm thi hành án:

4.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/11/2018), đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế Xuân 2, huyện Quế Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trần Nguyên Vỹ

